Chi tiết mã HS 2940.00.00

Mã HS	2940.00.00
Mô tả hàng hóa	Đường, tinh khiết về mặt hóa học, trừ sucroza, lactoza, mantoza, glucoza và fructoza; ete đường, axetal đường và este đường, và muối của chúng, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 29.37, 29.38 hoặc 29.39
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 15:42:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29400000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4472
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4472
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4472
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4429
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4390
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4390
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4390
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4390
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4390
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4390
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4428
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4428

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4428
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4428
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4428
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4428
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4432
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4432
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4432
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4432
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4432
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4432
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4432
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4396
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4392
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4392
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4392
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4392
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4392
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4392
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4392
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4392
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4392
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4392
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4392
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4392
VCFTA	2022	2022	3	VC!D4439
VCFTA	2023	2023	3	VC!E4439

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4439
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4439
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4439
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4439
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4436
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4436
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4436
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4436
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4436
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4436
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4444
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4444
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4444
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4444
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4444
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4444
EVFTA	2022	2022	1,5	EV-NK!D4415
EVFTA	2023	2023	1	EV-NK!E4415
EVFTA	2024	2024	0,5	EV-NK!F4415
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4415
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4415
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4415
UKVFTA	2022	2022	1,5	UKV!D4417
UKVFTA	2023	2023	1	UKV!E4417
UKVFTA	2024	2024	0,5	UKV!F4417
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4417

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4417
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4417
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4415
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4415
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4415
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4415
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4415
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4415
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4415
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4436
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4436
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4436
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4436
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4436
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4436
RCEP B	2022	2022	0	B!D4436
RCEP B	2023	2023	0	B!E4436
RCEP B	2024	2024	0	B!F4436
RCEP B	2025	2025	0	B!G4436
RCEP B	2026	2026	0	B!H4436
RCEP B	2027	2027	0	B!I4436
RCEP C	2022	2022	0	C!D4436
RCEP C	2023	2023	0	C!E4436
RCEP C	2024	2024	0	C!F4436
RCEP C	2025	2025	0	C!G4436
RCEP C	2026	2026	0	C!H4436

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4436
RCEP D	2022	2022	0	D!D4436
RCEP D	2023	2023	0	D!E4436
RCEP D	2024	2024	0	D!F4436
RCEP D	2025	2025	0	D!G4436
RCEP D	2026	2026	0	D!H4436
RCEP D	2027	2027	0	D!I4436
RCEP E	2022	2022	0	E!D4439
RCEP E	2023	2023	0	E!E4439
RCEP E	2024	2024	0	E!F4439
RCEP E	2025	2025	0	E!G4439
RCEP E	2026	2026	0	E!H4439
RCEP E	2027	2027	0	E!I4439
RCEP F	2022	2022	0	F!D4436
RCEP F	2023	2023	0	F!E4436
RCEP F	2024	2024	0	F!F4436
RCEP F	2025	2025	0	F!G4436
RCEP F	2026	2026	0	F!H4436
RCEP F	2027	2027	0	F!I4436
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4083
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4083
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4083
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4083

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)		15/2024/TT-BYT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2940.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2940.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4472), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thực phẩm, phụ gia thực phẩm và bao gói, dụng cụ chưa đựng (15/2024/TT-BYT)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.